

KHÔNG GIAN HỌC TẬP MỞ TẠI THƯ VIỆN ĐẠI HỌC - MÔ HÌNH MỚI PHỤC VỤ HỌC TẬP VÀ SÁNG TẠO CỦA SINH VIÊN

PGS TSKH Bùi Loan Thùy, ThS Phạm Thị Thanh Vân
Trường ĐHKHXH&NV Tp. Hồ Chí Minh

Đặt vấn đề

Bước vào các thư viện đại học ở nước ngoài và một số thư viện đại học đã được đầu tư khá hiện đại ở Việt Nam hiện nay, chúng ta có thể thấy những phòng đọc rộng lớn với không gian tĩnh lặng, trong đó hình ảnh quen thuộc là nhiều sinh viên miệt mài tập trung vào việc nghiên cứu, học tập cá nhân của mình. Trong khuôn viên của thư viện, bên cạnh việc đọc sách bằng giấy, sách điện tử, sinh viên còn được thưởng thức những bản nhạc hay nhất, xem những bộ phim mình yêu thích nhất trong các phòng xem phim, phòng nghe nhạc riêng biệt hoặc trong phòng đa phương tiện của thư viện. Có thể thấy nhiều nhóm sinh viên đang thuyết trình theo nhóm trong các phòng làm việc nhóm với đầy đủ thiết bị trình chiếu; có những khu vực dành cho thảo luận nhóm. Cũng có khu vực dành riêng cho giáo sư, giảng viên. Nhìn bề ngoài có vẻ giống nhau như vậy nên chúng ta khó nhận thấy sự khác biệt giữa thư viện đại học ở nước ngoài và các thư viện đại học đã được hiện đại hóa ở Việt Nam. Chính vì vậy, một số lãnh đạo các trường chủ quản của thư viện đại học Việt Nam sau khi đầu tư những khoản tiền lớn để xây dựng các tòa nhà thư viện và mua sắm các trang thiết bị hiện đại đã cảm thấy an tâm cho rằng thư viện của trường mình đã hội nhập được với thế giới bên ngoài, đã đạt tiêu chuẩn quốc tế, trong khi thực chất là có sự khác biệt, thậm chí là cách biệt khá xa về chiều sâu trong hoạt động của thư viện. Đây cũng là một trong

những nguyên nhân dẫn đến việc các thư viện đại học (đã được gọi là hiện đại ở Việt Nam) muốn được đầu tư tiếp tục về tin lực, vật lực, nhân lực... để phát triển thư viện theo chiều sâu thường gặp nhiều rào cản về nhận thức, về kinh phí và gặp nhiều khó khăn khi thuyết phục lãnh đạo đầu tư.

Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ nêu lên những khác biệt liên quan đến mô hình tổ chức không gian phục vụ cho việc học tập của sinh viên, mà chưa nói đến sự khác biệt cơ bản đầu tiên là về nguồn tài nguyên thông tin khổng lồ ở các thư viện đại học ở nước ngoài đã lưu trữ, được số hóa và đang phục vụ.

1. Những nét chung về không gian học tập mở tại thư viện đại học

Không gian thư viện đại học ở nhiều nước phát triển hiện nay được gọi là **không gian học tập cộng đồng/không gian thông tin cộng đồng** hay còn được gọi là **không gian học tập mở**. Không gian này nhằm tạo ra những điều kiện cần thiết nhất để hỗ trợ những kỹ năng học tập, kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng tư duy phản biện, làm việc hợp tác, sáng tạo và thưởng thức việc đọc sách. Không gian học tập mở là không gian có đầy đủ dịch vụ cho học tập, nghiên cứu và dự án của sinh viên. Trong khuôn viên của thư viện có những khu vực là nơi mà sinh viên có thể sắp xếp lại bàn ghế cho phù hợp với các buổi thảo luận ngẫu hứng hoặc đã định trước, có những khu vực đọc đảm bảo sự

Chia sẻ kinh nghiệm

yên tĩnh tuyệt đối để làm việc, có khu vực dành cho sinh viên thư giãn và trao đổi với bạn bè, có khu vực cho sinh viên tổ chức những buổi diễn thuyết, trình diễn thời trang, triển lãm [1].

Một số thư viện có các màn hình LCD lớn được đặt ngay bên phải hoặc bên trái dọc hành lang lối ra vào của thư viện để tạo sự chú ý đối với sinh viên, giảng viên nhằm tăng cường sự kết nối giữa thư viện với sinh viên. Quen thuộc nhất là phía trên quầy lưu hành thường gắn một màn hình LCD lớn kết nối với máy tính để chạy màn hình hiển thị kỹ thuật số. Trên màn hình luôn có một số cái mới để thu hút sinh viên, giảng viên quan tâm như tin tức của trường, các hoạt động của sinh viên, sách mới, các cuộc thi sáng tạo cho sinh viên [2].

Kho tài liệu theo quan niệm không gian học tập cộng đồng được tổ chức theo hướng cho phép sinh viên định hướng đọc lập tìm tài liệu theo các bộ sưu tập đa dạng (cả văn bản, đồ họa, nghe nhìn, điện tử). Bên cạnh các bàn ghế bằng gỗ với nhiều kiểu dáng đẹp khác nhau, có các ghế đọc mềm (các bộ sofa) cho sinh viên ngồi được bố trí gần các giá sách, tạo cảm giác rất thoải mái cho sinh viên, họ có thể đọc báo, tạp chí, sách in, sử dụng laptop, trao đổi bàn luận tin tức, thông tin với nhau trên các ghế mềm này và khi mệt mỏi quá có thể chợp mắt mà không bị nhân viên thư viện nhắc nhở.

Để đáp ứng cho các bài tập nhóm của sinh viên, không gian học tập mở cung cấp các khu vực cho các cuộc họp nhóm, công cụ để hỗ trợ những nỗ lực sáng tạo và nhân viên chuyên biệt để cung cấp sự trợ giúp khi cần thiết. Khi sinh viên làm việc nhóm, thư viện có thể hỗ trợ về khả năng công nghệ như: ổ cứng bên ngoài cho sinh viên làm việc, máy ảnh video kỹ thuật số chất lượng cao, cũng

như những công cụ ánh sáng và âm thanh cho các sản phẩm của sinh viên.

2. Sự khác biệt trong cách tổ chức hoạt động không gian học tập mở của thư viện đại học Việt Nam với thư viện đại học nước ngoài

Sự khác biệt lớn nhất là cách làm việc của nhân viên thư viện. Trong không gian học tập cộng đồng, hoạt động của nhân viên thư viện ở bộ phận phục vụ tập trung vào các dịch vụ hỗ trợ sinh viên sử dụng công nghệ để tham khảo sách, các CSDL, nguồn tài nguyên web. Tất cả các nhân viên ở bộ phận phục vụ đều thành thạo trong công tác đào tạo trực tuyến và hướng dẫn sử dụng công nghệ, quản lý tài khoản và thông tin liên lạc với sinh viên và có trách nhiệm cao trong việc tích cực tham gia vào hoạt động hỗ trợ học tập cho sinh viên. Nhân viên thư viện thành thạo trong việc sử dụng những lợi ích của mạng xã hội và tiếp cận facebook để nắm thông tin và trao đổi với sinh viên, vì vậy làm cho thư viện tiếp cận được với cuộc sống bận rộn hàng ngày của sinh viên. Khi sinh viên truy cập vào website thư viện nghĩa là họ được tự học với sự hỗ trợ của nhân viên thư viện với tư cách là người hướng dẫn. Nhân viên thư viện luôn ở trạng thái sẵn sàng hướng dẫn một cách chủ động, tận tình khi quan sát thấy giảng viên và sinh viên gặp khó khăn trong việc tìm tài liệu từ các bộ sưu tập in ấn hoặc điện tử. Trong khi đó, tại thư viện đại học của Việt Nam phần lớn nhân viên thư viện phục vụ một cách thụ động (nghĩa là nếu sinh viên có hỏi thì mới phục vụ).

Việc sử dụng mạng xã hội (như facebook) trong không gian học tập cộng đồng cho phép nhân viên thư viện đối thoại liên tục với

Chia sẻ kinh nghiệm

sinh viên về các dự định, kế hoạch, hoạt động của thư viện đang diễn ra như thế nào, nhận thức sâu sắc hơn những nhu cầu, yêu cầu của sinh viên, những thách thức và cả những thất vọng của sinh viên, cho phép nhân viên thư viện tham gia vào các cuộc tranh luận hấp dẫn của sinh viên như một phần của cộng đồng sinh viên. Sự hội nhập của nhân viên thư viện vào cộng đồng của sinh viên sẽ giúp sinh viên cảm thấy rằng không gian học tập cộng đồng thực sự là của họ, là một môi trường chăm sóc, hỗ trợ sinh viên thực sự.

Khác biệt thứ hai trong hoạt động thư viện đại học của Việt Nam với nước ngoài là khác biệt về sự hợp tác giữa thư viện với các khoa đào tạo và tới từng giảng viên. Nếu như ở Việt Nam phần lớn các thư viện chỉ phối hợp với các khoa trong việc lựa chọn sách để bổ sung thì ở nước ngoài việc tổ chức không gian học tập mở đòi hỏi sự hợp tác giữa thư viện với các khoa đào tạo và tới từng giảng viên. Thư viện chủ động trong việc gửi email đến các lãnh đạo của các khoa trong trường đề nghị hỗ trợ giảng viên trong việc hướng dẫn sinh viên cách tìm kiếm những thông tin mới nhất, các trang web, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành tốt nhất cho nội dung lĩnh vực giảng dạy của họ. Hỗ trợ trong việc tìm kiếm trang web nâng cao và cơ sở dữ liệu cho tài liệu lớp học và nội dung môn học. Thông báo số liệu cho các khoa hàng tháng về tình hình khai thác sử dụng các tài liệu của thư viện, vì vậy tạo ra cơ hội cho sự hợp tác chặt chẽ giữa giảng viên và thư viện để thu hút giảng viên và sinh viên sử dụng thư viện [11].

Thư viện thường xuyên mở các lớp giảng dạy và hỗ trợ việc quản lý và tổ chức những dự án nghiên cứu. Ví dụ, dạy những vấn đề nền tảng như Noodletools và Diigo, Nhật ký

trực tuyến với các blog và các diễn đàn thảo luận sử dụng Wiki, vấn đề bản quyền, thẩm quyền và giấy phép sáng tạo, cách phân biệt giữa những nguồn lực trực tuyến và đánh giá tầm quan trọng của các nguồn lực được sử dụng trong công việc của sinh viên. Nhân viên thư viện hướng dẫn những công cụ web 2.0 khi cần thiết như: Widgets, Animoto, Voicethreat, Glogster, Prezi, RSS feeds, iGoogle, Pageflakes và những công cụ khác để giúp sinh viên sáng tạo và cá nhân hóa trang web đến nhu cầu thông tin cá nhân của họ [2].

Sinh viên được hỗ trợ trau dồi kỹ năng phương tiện đa truyền thông bằng cách sử dụng phần mềm đa phương tiện cao cấp tại thư viện. Sau khi sinh viên đã học những khóa học ngắn về phần mềm đa phương tiện, giảng viên các môn học cho các lớp học đến thực tập tại phòng đa phương tiện. Sản phẩm đa phương tiện là một trong những dịch vụ quan trọng hỗ trợ cho việc học.

Các thư viện phát triển mạnh các khu vực ảo để bổ sung cho các không gian học tập thật. Các khu vực ảo cung cấp quyền truy cập vào nguồn tài nguyên điện tử và các công cụ mạng xã hội, những nguồn tài nguyên khuyến khích sinh viên khám phá và thảo luận bên ngoài những bức tường của thư viện, do sinh viên đã có trong tay các thiết bị di động cho phép họ làm việc ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào. Sử dụng công cụ Web 2.0, blog cho phép sinh viên có thể thảo luận với nhau về nội dung các môn học và dịch vụ chat để dàng giúp kết nối sinh viên và thủ thư khi cần. Sử dụng hệ thống quản lý khóa học, các thủ thư tạo “các trang lớp học” cho việc nghiên cứu bài tập, trả lời các câu hỏi qua email và chat, và cung cấp hướng dẫn trực tuyến.

Chia sẻ kinh nghiệm

Bằng cách làm cho những nguồn tài nguyên trực tuyến luôn sẵn sàng cho sinh viên sử dụng, không gian học tập mở đã thành công trong việc mở rộng ảnh hưởng của thư viện đến đời sống học tập của sinh viên [10].

Trong không gian học tập mở có cả khu vực uống cà phê. Nếu như phía trên bàn thông tin của thư viện có các chỉ báo với các từ “hỏi! hỏi! hỏi!” thì trong khu vực uống cà phê là những từ “suy nghĩ “ và “sáng tạo” xuất hiện ở những chỗ ngồi tốt nhất. Các nhóm sinh viên có thể ngồi thảo luận về nhiều thứ mà họ quan tâm, hoàn thành các dự án, làm các bài tập về nhà hay cộng tác trong những bài tập chung. Sinh viên có thể mượn máy tính xách tay của thư viện để sử dụng mạng Internet bất cứ nơi nào trong không gian học tập mở.

Không gian học tập mở rất bận rộn đặc biệt sau các giờ học. Thành viên các câu lạc bộ gặp gỡ nhau ở đây, các nhóm họp lại để hoàn thành dự án hay các bài tập chung, trợ giảng hướng dẫn học tập cho sinh viên..., những sinh viên khác thì đến khu vực yên tĩnh để đọc hay để suy nghĩ [4].

Không gian học tập mở cũng có thể có sân khấu di động cho các buổi biểu diễn của sinh viên và thư viện thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với phương tiện truyền thông đại chúng để đưa lên phát sóng. Trong thư viện có thể trang trí những tấm áp phích lớn trên các bức tường, những áp phích phim. Các cuộc triển lãm sách, ảnh nghệ thuật được tổ chức thường xuyên. Thư viện còn tổ chức nhiều câu lạc bộ tập hợp các sinh viên có cùng sở thích về một loại sách nào đó, về một loại hình nghệ thuật nào đó: âm nhạc, hội họa, kịch ...

Không gian học tập mở thành công không

phụ thuộc hoàn toàn vào cấu hình không gian thích nghi hoặc thiết bị công nghệ mới nhất. Sức mạnh của nó nằm trong các mối quan hệ hỗ trợ, đó là những mối quan hệ giữa sinh viên với sinh viên, sinh viên với giảng viên, sinh viên với nhân viên thư viện, sinh viên với các trang thiết bị, hoặc sinh viên với thông tin. Hiệu quả của không gian học tập mở là đồng hành với tiếng nói của những sinh viên để làm việc cùng nhau, thiết lập các hình thức kết nối nhằm thúc đẩy hoạt động, khuyến khích học tập [1].

3. Giới thiệu mô hình tổ chức và hoạt động của Thư viện Beanland, Đại học RMIT Việt Nam

Ở Việt Nam, thư viện đại học Quốc tế RMIT Việt Nam là thư viện đầu tiên tổ chức theo mô hình không gian học tập mở đúng nghĩa của nó.

Đại học Quốc tế RMIT Việt Nam là cơ sở chính tại Châu Á của đại học RMIT, Melbourne (Úc), là đại học 100% vốn nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam. Sinh viên RMIT Việt Nam được đào tạo theo chuẩn quốc tế, thông thạo tiếng Anh và có khả năng làm việc hiệu quả trong môi trường thương mại toàn cầu. RMIT Việt Nam đào tạo các chuyên ngành đại học: Kế toán, Kinh tế và Tài chính, Marketing, Hệ thống thông tin kinh doanh, Thương mại, Truyền thông chuyên nghiệp, Công nghệ kinh doanh thời trang, Hệ thống truyền thông đa phương tiện, Công nghệ thông tin và đào tạo thạc sĩ ngành: Quản trị kinh doanh, Quản lý dự án, Kỹ thuật điện tử. Tại RMIT Việt Nam, sinh viên được tạo điều kiện phát triển toàn diện nhất thông qua chương trình giáo dục thực tiễn, trang thiết bị hiện đại, các hoạt động thể thao và nhiều hoạt động khác của sinh viên. Sinh viên RMIT Việt Nam có nhiều kỹ năng tổng hợp ở trình độ

Chia sẻ kinh nghiệm

cao, như: suy nghĩ độc lập, giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm và làm việc hiệu quả trong môi trường đa ngôn ngữ và đa văn hóa.

Vào ngày 25/11/2011, RMIT Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh đã đưa vào sử dụng thư viện mang tên GS David Beanland (là giáo sư sáng lập nên thư viện tại đại học RMIT Việt Nam). Thư viện Beanland là không gian học tập cộng đồng. Thư viện có tổng diện tích hơn 1.600m², gồm hai tầng (tầng 3 và tầng 4) với nhiều khu vực học tập, đọc tài liệu, phòng học tập nhóm, truy cập Internet. Thư viện có trên 56.000 đầu sách in và trên 300 CSDL với hàng triệu sách, báo, tạp chí điện tử... Tổng kinh phí để mở rộng và chuyển đổi thư viện thành không gian học tập cộng đồng là 20,5 tỉ đồng. Thư viện Beanland cung cấp những dịch vụ hỗ trợ để truy cập thông tin học tập bằng phương thức đa phương tiện. Tầng ba là nơi để sinh viên thảo luận; tầng bốn là khu vực dành cho việc tự học và có thể làm việc theo nhóm hoặc thực tập thuyết trình trong các phòng học nhóm riêng biệt. Không gian thư viện được thiết kế để phục vụ tối đa cho hoạt động học tập mang tính cộng đồng và tương tác cao. Bên cạnh nguồn tài nguyên thông tin kết nối qua mạng, sinh viên nhận được nhiều dịch vụ của thư viện hỗ trợ như tìm kiếm thông tin và dịch vụ công nghệ thông tin, hỗ trợ tiếng Anh, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Không gian Thư viện Beanland rất tiện nghi, thoải mái và thu hút đông đảo sinh viên trong suốt quá trình học tập của họ tại trường. Để có được không gian học tập mở này, Thư viện đã trải qua quá trình chuẩn bị tài nguyên, nhân lực, cơ sở vật chất trong

thời gian 3 -5 năm.

Nguồn tài nguyên thông tin được tập trung đầu tư và phát triển từ đầu năm 2009 với ngân sách 3.000.000 USD dành cho việc bổ sung tài liệu cho thư viện kéo dài trong ba năm (2009-2011). Sự gia tăng của số lượng tài liệu in trong thư viện từ năm 2008 đến cuối năm 2012 được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Số lượng bản sách gia tăng từ năm 2008-2012

Năm	Số lượng bản sách
2008	11,297
2009	24,671
2010	41,670
2011	50,207
2012	56,241

Với mục đích làm phong phú thêm nguồn tài liệu in cho sinh viên, cũng như góp phần vào việc đảm bảo chất lượng giáo dục, thư viện đã phối hợp với toàn bộ giảng viên của trường tập trung lựa chọn những tài liệu giá trị cho việc học tập của sinh viên, đồng thời hướng dẫn sinh viên sử dụng những CSDL trực tuyến với nguồn tài nguyên thông tin khổng lồ được cung cấp bởi Đại học RMIT Melbourne. Song song với việc phát triển nguồn tài nguyên in, sinh viên và giảng viên cũng khai thác sử dụng CSDL trực tuyến do Thư viện đặt mua.

Việc chuẩn bị nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ trong không gian học tập mở cũng từng bước được tiến hành tại các bộ phận. Từ 8 nhân viên vào năm 2008, đến năm 2013 số lượng nhân viên Thư viện đã tăng gần gấp ba lần (Bảng 2).

Chia sẻ kinh nghiệm

Bảng 2. Sự gia tăng về số lượng nhân viên thư viện từ năm 2008-2013

Năm	Số nhân viên
2008	8
2009	11
2010	14
2011	16
2012	16
2013	21

Sự gia tăng về số lượng nhân viên song hành với việc phát triển chuyên môn cho nhân viên thư viện. Dự án nâng cao chất lượng phục vụ trong Thư viện được thông qua đầu năm 2010 với mục đích nâng cao chuyên môn cho đội ngũ nhân viên thư viện. Dự án được triển khai bằng việc kết hợp giữa thư viện Đại học RMIT Việt Nam và thư viện Đại học RMIT Melbourne. Ba nhân viên thư viện Đại học RMIT Việt Nam đã sang tham quan và học tập những dịch vụ thư viện cũng như cách thức làm việc của đội ngũ nhân viên tại các thư viện Đại học RMIT Melbourne. Việc học tập tập trung chủ yếu vào các nội dung như: các dịch vụ thư viện, dịch vụ tham khảo, năng lực thông tin, chuyên viên thư viện phụ trách từng môn học hoặc từng chương trình học, các vấn đề về quản lý thư viện. Quá trình học tập được thiết kế theo từng chủ đề cụ thể như:

- Cải thiện dịch vụ thư viện;
- Những kỹ năng cần thiết trong việc cung cấp những buổi tư vấn cho sinh viên;
- Xây dựng mối quan hệ giữa đội ngũ chuyên viên thư viện tham khảo với đội ngũ nhân viên thư viện phụ trách các môn học;
- Những kỹ năng giảng dạy và chuẩn bị bài giảng;

- Tổ chức những lớp học tìm kiếm thông tin chuyên biệt dựa trên yêu cầu của giảng viên;
- Xây dựng chương trình hướng dẫn sử dụng thư viện trực tuyến;
- Xây dựng mối quan hệ với các giảng viên từng bộ môn thông qua email, điện thoại, giao tiếp...;
- Hiểu biết về những thủ tục, chính sách trong việc phát triển bộ sưu tập thư viện;
- Cách thức xử lý khi gặp những người sử dụng thư viện khó tính và các vấn đề quản lý.

Bên cạnh việc tham quan học tập tại các thư viện Đại học RMIT Melbourne, bốn chuyên viên thư viện có kinh nghiệm đang làm ở các vị trí quản lý tại các thư viện Đại học RMIT Melbourne cũng sang thăm và tổ chức những buổi huấn luyện cho toàn bộ nhân viên thư viện Đại học RMIT Việt Nam. Những điểm mạnh, điểm yếu và những biện pháp khắc phục đã được các chuyên viên đưa ra như tổ chức những khu vực học nhóm, những khu vực nghiên cứu cá nhân, mở rộng các mối quan hệ đến từng giảng viên các ngành học trong trường.... Các lớp huấn luyện được thiết kế dựa trên những mối quan tâm của các chuyên viên thư viện Đại học RMIT Việt Nam, cụ thể như:

- Những tiêu chuẩn cụ thể trong quá trình trao đổi, tiếp xúc với người dùng;
- Cách xử lý những tình huống và những người dùng khó tính;
- Các kỹ năng thuyết trình, nói trước đám đông (nhằm giúp chuyên viên thư viện cung cấp những chương trình hướng dẫn sử dụng thư viện, tìm kiếm thông tin cho các khóa học chuyên biệt);
- Các bước cần thiết để chuẩn bị bài giảng;
- Những kỹ năng cần thiết để tổ chức những lớp hướng dẫn thành công;

Chia sẻ kinh nghiệm

- Các hoạt động quảng cáo cho các lớp hướng dẫn sử dụng thư viện;

- Giá trị đồng đội và sự liên quan đến các dịch vụ khách hàng.

Qua những bài học, quá trình tiếp xúc thực tế làm việc cũng như xem xét cách bố trí, sắp xếp bàn ghế, kho sách... tại các thư viện Đại học RMIT Melbourne, qua việc học hỏi những kinh nghiệm thực tế cũng như những đóng góp từ những chuyên viên thư viện Đại học RMIT Melbourne, các nhân viên thư viện Đại học RMIT Việt Nam đã có thêm nhiều kinh nghiệm làm việc, từng bước khắc phục những khó khăn, áp dụng những kiến thức và kỹ năng tổ chức không gian mở vào các hoạt động của thư viện mình. Vì vậy, Thư viện đã nhanh chóng cải thiện, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các dịch vụ của mình.

Cơ sở vật chất cho không gian học tập mở được trang bị mới và mở rộng Thư viện thêm một tầng lầu vào tháng 2/2011. Không gian học tập mở cung cấp ghế ngồi cho khoảng 300 sinh viên, cùng với ghế sofa tại các khu vực học tập nhóm/cá nhân, khu vực học tập yên tĩnh và các phòng học nhóm. Bàn ghế được lựa chọn nhằm tạo cảm giác thoải mái nhất cho sinh viên cũng như được thiết kế để có thể sắp xếp lại tùy thuộc vào nhu cầu học tập của sinh viên.

Không gian học tập mở bao gồm:

- Khu vực làm việc của nhân viên (được thiết kế ở cả hai tầng lầu);

- Kho tài liệu ở cả hai tầng lầu, là hệ thống kho mở cho sinh viên, giảng viên tự do chọn tài liệu;

- Khu vực học tập cá nhân/ nhóm được sắp xếp xen lẫn giữa các kệ sách;

- Khu vực học tập yên tĩnh;

- 1 phòng tổ chức các lớp hướng dẫn, hội thảo;

- 4 phòng học nhóm;

- 22 máy tính bàn loại mới nhất và cài đặt sẵn những phần mềm cần thiết cho quá trình học tập của sinh viên tại Trường, đặc biệt là các phần mềm ứng dụng cho sinh viên các ngành thiết kế truyền thông đa phương tiện, thiết kế thời trang... (hầu hết sinh viên sử dụng máy tính cá nhân và trường cũng có những phòng máy tính riêng cho sinh viên nên không gian học tập mở không trang bị nhiều máy tính mà chủ yếu thiết kế những ổ cắm điện cho sinh viên dùng máy cá nhân cũng như hệ thống mạng truy cập không dây cho sinh viên);

- Kệ báo, tạp chí được thiết kế gần khu vực học tập của sinh viên, thuận tiện cho việc nghiên cứu và viết bài tiểu luận;

- Bộ sưu tập các tài liệu nghe nhìn cho phép sinh viên sử dụng trong không gian học tập mở;

- Các trạm máy in, máy photocopy cũng được thiết kế trên cả hai tầng lầu;

- Màn hình LCD được thiết kế phía trước cửa không gian học tập mở cung cấp những thông báo, những lớp học do các bộ phận trong không gian học tập mở tổ chức;

- Màn hình, máy chiếu, máy tính, bảng viết... được trang bị đầy đủ trong phòng hướng dẫn, hội thảo.

Để khắc phục số lượng bàn ghế không đủ phục vụ cho sinh viên trong những mùa cao điểm (thi giữa kỳ, cuối kỳ...), sân nhà được lát thảm toàn bộ, nên sinh viên có thể tranh

Chia sẻ kinh nghiệm

thủ ngôi học, đọc tài liệu thậm chí học nhóm trên thảm mà không cần phải ra khỏi không gian học tập mở. Tất cả phòng ốc, bàn ghế, máy tính, máy chiếu,... đều được trang bị hoàn toàn mới và được thiết kế nhằm tạo một môi trường học tập thật thoải mái cho sinh viên.

Kết luận

Tóm lại, không gian học tập cộng đồng/không gian học tập mở là môi trường kết nối và hợp tác. Không gian này tạo ra một môi trường tự học có chất lượng cao, vừa thể hiện được nguồn tài nguyên thông tin của thư viện vừa tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc học tập đa dạng của sinh viên và khuyến khích tăng cường sự hợp tác giữa thư viện với sinh viên và giảng viên. Không gian học tập mở là không gian lý tưởng cho việc

trên luyện kỹ năng làm việc nhóm, hỗ trợ các nỗ lực học tập và phát triển trí tuệ đối với sinh viên để họ tìm kiếm thông tin, khám phá, nghiên cứu và phát triển kiến thức, kỹ năng cần thiết của mình đáp ứng các đòi hỏi mới của thế kỷ XXI. Đây là mô hình mới cần học tập và triển khai rộng ra các thư viện đại học của Việt Nam. Sinh viên các trường đại học được thụ hưởng không gian học tập mở này sẽ thật sự trở thành chủ thể của quá trình học tập với tư duy sáng tạo. Được làm việc trong không gian học tập mở sẽ là cơ hội để đội ngũ chuyên viên thư viện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và tính chuyên nghiệp, khẳng định vị thế của mình là những hoa tiêu trên đại dương tri thức và thông tin.

Tài liệu tham khảo

1. Things You Should Know About the Modern Learning Commons. The Distant Librarian [The Distant Librarian - BLOG]Calgary: Newstex. (Apr 13, 2011)
2. Cicchetti R (2010). Concord-Carlisle transitions to a learning commons. (Concord-Carlisle Regional High School's library). Teacher Librarian 37, 52(7).
3. Collaborator and learning commons queen: Carol Koechlin speaks, 2011. Teacher Librarian 38, 62+.
4. Diggs V, Loerstcher D.D (2009). From library to learning commons: a metamorphosis. Teacher Librarian 36:4, 32-38.
5. Franks JA., Tosko MP (2007). Reference librarians speak for users: a learning commons concept that meets the needs of a diverse student body. The Reference Librarian, 47:1, 105-118
6. Harland PC (2011). The Learning Commons: seven simple steps to transform your library, 1st ed. Libraries Unlimited.
7. Holmgren RA (2010). Learning commons: a learning-centered library design. College & Undergraduate Libraries, 17:2-3, 177-191
8. Marcoux E (2011). Chapter one: the start of the learning commons approach. Teacher Librarian 39, 16+.
9. Sargeant C., Nevin R (2008). Using the library learning commons to reengage disengaged students and making it a student-friendly place for everyone. Teacher Librarian 36, 43-45.
10. Sullivan RM (2010). Common knowledge: learning spaces in academic libraries. College & Undergraduate Libraries 17, 130-148.
11. Weiner S.A., Doan T., Kirkwood H (2010). The learning commons as a locus for information literacy. College & Undergraduate Libraries 17, 192-212.